TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ

ĐGMH_BM 1a

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
KHOA Y - DƯỢC

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Thực hành Dược bệnh viện (650736)
Số tín chỉ 2
Nhóm/Lớp: (01 -)/DA18DA
CBGD: ()

Hình thức đánh giá: báo cáo
Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc 04/01/2023
Phòng thi: B.31.104

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đối tượng SV	Ghi chú
1	115617087	Phạm Thị Thanh	Bình	12/05/1999	Nữ	10,0	9,4	9,6				
2	115618004	Lê Cẩm	Tiên	20/05/2000	Nữ	10,0	9,5	9,7				
3	115618005	HENG	THYDA	15/10/1992	Nữ	7,0	8,8	8,3				
4	115618011	Trần Thanh	An	12/02/2000	Nam	10,0	9,0	9,3				
5	115618015	Ngô Vân	Anh	13/09/2000	Nữ	7,0	9,5	8,8				
6	115618017	Đặng Thị Ngọc	Ánh	21/04/1999	Nữ	7,0	9,0	8,4				
7	115618018	Phạm Thanh	Bình	15/07/2000	Nam	10,0	8,8	9,2				
8	115618020	Nguyễn Sinh Hồng	Cẩm	27/03/2000	Nữ	7,0	9,0	8,4				
9	115618025	Nguyễn Thị Ngọc	Châu	19/02/2000	Nữ	9,5	9,0	9,2				
10	115618026	Bùi Minh	Châu	21/02/2000	Nữ	10,0	9,5	9,7				
11	115618030	Phạm Ngọc Thùy	Diễm	04/09/2000	Nữ	10,0	9,3	9,5				
12	115618031	Kim Thị Hồng	Diễm	02/02/2000	Nữ	7,0	9,0	8,4				
13	115618032	Dư Thị	Diễm	11/06/2000	Nữ	7,0	9,0	8,4				
14	115618033	Đỗ Thị Mỹ	Dung	26/03/2000	Nữ	9,0	9,3	9,2				
15	115618034	Cao Huỳnh Thùy	Dung	03/11/2000	Nữ	7,0	8,8	8,3				
16	115618035	Dào Phương	Dung	14/10/2000	Nữ	10,0	9,3	9,5				
17	115618037	Trương Thị Bé	Dung	01/01/2000	Nữ	7,0	8,8	8,3				
18	115618042	Đỗ Thị Mỹ	Duyên	10/10/2000	Nữ	9,0	9,3	9,2				
19	115618046	Trương Khánh	Dương	12/07/2000	Nam	10,0	9,2	9,4				
20	115618049	Trần Xuân	Đào	23/04/2000	Nữ	9,5	8,0	8,5				
21	115618050	Lê Chí	Đạt	09/09/2000	Nam	9,0	9,0	9,0				
22	115618053	Nguyễn Thanh	Giang	01/08/1997	Nam	10,0	9,5	9,7				
23	115618056	Lê Thị Nhựt	Hà	06/04/2000	Nữ	9,0	8,7	8,8				
24	115618062	Hồ Phú	Hảo	06/04/2000	Nam	9,0	9,0	9,0				
25	115618063	Huỳnh Thụy Như	Hảo	03/10/2000	Nữ	10,0	9,0	9,3				
26	115618067	Nguyễn Thị Minh	Hiếu	19/07/2000	Nữ	10,0	9,3	9,5				
27	115618070	Trương Thị Hồng	Hoa	23/03/2000	Nữ	9,5	8,0	8,5				
28	115618072	Thạch Thị Hốc Sêray	Huôn	10/11/2000	Nữ	10,0	9,0	9,3				
29	115618074	Ngô Thị Thúy	Huyên	05/09/2000	Nữ	7,0	9,0	8,4				
30	115618075	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	16/08/2000	Nữ	9,5	8,5	8,8				
31	115618076	Nguyễn Thị Linh	Hương	12/06/2000	Nữ	10,0	9,3	9,5				
32	115618077	Nguyễn Thu	Hương	25/09/2000	Nữ	10,0	9,3	9,5				
33	115618079	Kim Thị	Hường	02/01/2000	Nữ	8,0	8,8	8,6				
34	115618080	Hỏa Phạm Hiếu	Kiên	27/09/2000	Nữ	10,0	9,3	9,5				
35	115618081	Hồ Minh	Kha	20/11/2000	Nam	9,0	8,7	8,8				
36	115618083	Thạch Văn	Khánh	19/05/2000	Nam	9,0	8,8	8,9				
37	115618084	Nguyễn Minh	Khoa	03/11/2000	Nam	10,0	9,0	9,3				
38	115618086	Từ Thúy	Liễu	10/02/2000	Nữ	10,0	9,6	9,7				
39	115618088	Nguyễn Văn	Linh	03/10/1999	Nam	10,0	9,6	9,7				
40	115618089	Trương Thị Cẩm	Linh	27/11/2000	Nữ	10,0	9,5	9,7				

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ

ĐGMH_BM 1a

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
KHOA Y - DƯỢC

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Thực hành Dược bệnh viện (650736)
Số tín chỉ 2
Nhóm/Lớp: (01 -)/DA18DA
CBGD: ()

Hình thức đánh giá: báo cáo
Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc: 04/01/2023
Phòng thi: B31 104

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đối tượng SV	Ghi chú
41	115618092	Lê Thị Phương	Linh	16/01/2000	Nữ	9,0	8,8	8,9				
42	115618096	Dương Kiều	Loan	01/01/2000	Nữ	9,5	9,0	9,2				
43	115618101	Thạch Thị Thông	Minh	09/10/2000	Nữ	10,0	9,4	9,6				
44	115618102	Lương Ngọc	Mừng	23/10/2000	Nữ	10,0	9,0	9,3				
45	115618104	Phạm Thị Thùy	My	10/01/2000	Nữ	9,0	8,7	8,8				
46	115618148	Nguyễn Thị Thu	Phương	25/05/1999	Nữ	10,0	9,5	9,7				
47	115618198	Lê Thị Minh	Thư	29/09/2000	Nữ	10,0	9,1	9,4				
48	115618204	Lê Thùy	Trang	22/01/2000	Nữ	9,5	8,5	8,8				
49	115618208	Nguyễn Thị Huyền	Trâm	15/09/2000	Nữ	9,5	9,3	9,4				
50	115618210	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	14/09/2000	Nữ	9,5	9,5	9,5				
51	115618211	Nguyễn Thị Bảo	Trâm	21/08/2000	Nữ	9,0	9,0	9,0				
52	115618215	Nguyễn Việt	Trinh	29/10/1999	Nữ	10,0	9,3	9,5				
53	115618244	Khoeun	Sotheara k	03/02/1996	Nam	10,0	9,1	9,4				

Tổng số sv, hs trên danh sách: 53
Tổng số sv, hs dự đánh giá: 53
Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 53
Tổng số tờ: 53

Điểm QT: 30 %; Điểm KT: 70 %

Trà Vinh, Ngày 06 tháng 01 năm 2023

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Ngọc Anh Đào

Cán bộ coi thi 2: Nguyễn Anh Đào

Cán bộ ghi điểm: Phạm Nguyễn Tường Vân

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Lê Thanh Trúc

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ

ĐGMH_BM 1a

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
KHOA Y - DƯỢC

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Thực hành Dược bệnh viện (650736)
Số tín chỉ 2
Nhóm/Lớp: (02 -)/DA18DB
CBGD: ()

Hình thức đánh giá: báo cáo
Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc 04/01/2023
Phòng thi: B31.103

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đối tượng SV	Ghi chú
1	115618001	Trần Mai Bích	Phụng	18/06/2000	Nữ	9,0	9,3	9,2				
2	115618013	Dương Lan	Anh	02/07/2000	Nữ	9,0	8,9	8,9				
3	115618099	Nguyễn Thị Huỳnh	Mai	02/05/2000	Nữ	9,0	9,0	9,0				
4	115618106	Đỗ Văn	Nam	23/08/1999	Nam	10,0	8,9	9,2				
5	115618107	Châu Thị	Nga	02/11/2000	Nữ	10,0	9,0	9,3				
6	115618108	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	09/04/2000	Nữ	9,5	8,0	8,5				
7	115618109	Nguyễn Phi	Ngân	14/02/2000	Nữ	9,0	8,8	8,9				
8	115618110	Châu Phạm Quế	Nghi	19/12/2000	Nữ	9,0	9,0	9,0				
9	115618113	Nguyễn Huỳnh Như	Ngọc	20/03/2000	Nữ	9,5	8,0	8,5				
10	115618117	Nguyễn Huỳnh Minh	Ngọc	04/12/2000	Nữ	10,0	9,4	9,6				
11	115618120	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	20/11/2000	Nữ	9,5	9,5	9,5				
12	115618121	Dương Thị Cao	Nguyên	22/11/2000	Nữ	9,5	9,5	9,5				
13	115618123	Hồ Thị Lệ	Nguyên	26/03/1999	Nữ	7,0	9,0	8,4				
14	115618126	Nguyễn Huỳnh	Nhân	09/07/2000	Nam	9,7	8,0	8,5				
15	115618128	Mai Tuyết	Nhi	23/08/2000	Nữ	9,5	8,5	8,8				
16	115618132	Văn Thị Hồng	Nhung	06/08/2000	Nữ	10,0	9,6	9,7				
17	115618133	Lê Thị Yến	Nhung	19/10/2000	Nữ	10,0	9,6	9,7				
18	115618138	Nguyễn Ánh Quỳnh	Như	09/12/2000	Nữ	9,5	8,2	8,6				
19	115618140	Trần Lê Minh	Nhựt	08/06/2000	Nam	7,0	9,0	8,4				
20	115618143	Nghi Minh	Phúc	14/10/2000	Nam	7,0	9,0	8,4				
21	115618145	Nguyễn Thị Kim	Phụng	29/06/2000	Nữ	10,0	9,0	9,3				
22	115618146	Hồ Kim	Phụng	15/05/2000	Nữ	9,0	8,7	8,8				
23	115618149	Quách Thị Lan	Phương	30/04/2000	Nữ	10,0	9,1	9,4				
24	115618150	Trần Lý Anh	Quân	18/01/2000	Nam	7,0	8,8	8,3				
25	115618151	Lê Minh	Quí	16/12/1998	Nam	10,0	9,1	9,4				
26	115618153	Nguyễn Thị	Quý	11/11/2000	Nữ	10,0	9,5	9,7				
27	115618154	Lý Trần Cát	Quyên	10/02/2000	Nữ	10,0	9,4	9,6				
28	115618157	Lâm Minh	Tâm	26/11/2000	Nam	7,0	8,8	8,3				
29	115618160	Nguyễn Thị Kiều	Tiên	24/12/2000	Nữ	9,0	8,9	8,9				
30	115618163	Thạch Minh	Tiến	05/01/2000	Nam	9,7	8,2	8,7				
31	115618164	Lâm Văn	Tình	07/02/2000	Nam	7,0	9,3	8,6				
32	115618166	Dư Hoàng	Tính	22/08/2000	Nam	9,7	8,2	8,7				8,7
33	115618168	Lê Minh	Tú	22/05/2000	Nam	10,0	9,2	9,4				
34	115618169	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	29/08/2000	Nữ	10,0	9,0	9,3				
35	115618173	Nguyễn Thị Ngọc	Tuyền	24/07/2000	Nữ	9,5	8,8	9,0				
36	115618174	Lâm Thanh	Tuyền	04/10/2000	Nữ	7,0	8,8	8,3				
37	115618177	Hồ Như	Thạch	01/10/2000	Nữ	9,0	9,3	9,2				
38	115618180	Lê Thị Giang	Thanh	22/01/2000	Nữ	9,5	9,0	9,2				
39	115618182	Đinh Thị Thu	Thảo	21/07/2000	Nữ	10,0	9,0	9,3				
40	115618187	Lý Cẩm	Thi	02/03/2000	Nữ	9,0	9,0	9,0				

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ

~~ĐGMH_BM 1a~~
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ V
KHOA Y - DƯỢ

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Thực hành Dược bệnh viện (650736)
Số tín chỉ 2
Nhóm/Lớp: (02 -)/DA18DB
CBGD: ()

Hình thức đánh giá: báo cáo
Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc 04/01/2023
Phòng thi: B31.103

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đối tượng SV	Ghi chú
41	115618190	Tạ Thị Kim	Thoa	14/02/2000	Nữ	9.5	9,0	9,2				
42	115618191	Trần Thị Chanh	Thu	18/07/2000	Nữ	10.0	9,3	9,5				
43	115618195	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	22/06/2000	Nữ	10.0	9,4	9,6				
44	115618222	Nguyễn Thành	Trung	21/12/2000	Nam	9.0	9,0	9,0				
45	115618223	Trần Quang	Trung	11/06/2000	Nam	10.0	9,4	9,6				
46	115618225	Nguyễn Thị Thu	Uyên	28/04/2000	Nữ	10.0	9,3	9,5				
47	115618227	Huỳnh Thị Tú	Uyên	03/05/2000	Nữ	10.0	9,3	9,5				
48	115618228	Lê Ngô Nhã	Uyên	01/11/2000	Nữ	7.0	8,8	8,3				
49	115618231	Huỳnh Trung Quốc	Việt	15/05/2000	Nam	10.0	9,7	9,8				
50	115618232	Huỳnh Cao Hữu	Việt	18/07/2000	Nam	10.0	9,4	9,6				
51	115618233	Võ Lâm	Vũ	18/12/2000	Nam	10.0	9,3	9,5				
52	115618237	Trần Mai Thảo	Vy	20/12/2000	Nữ	10.0	9,3	9,5				
53	115618238	Sơn Thị Tường	Vy	06/06/2000	Nữ	10.0	9,4	9,6				
54	115618240	Nguyễn Như	Ý	26/10/2000	Nữ	7.0	9,3	8,6				
55	115618241	Trần Thị Hồng	Yến	27/12/2000	Nữ	10.0	9,0	9,3				
56	115618242	Lê Thị Ngọc	Dễ	01/01/1998	Nữ	10.0	9,3	9,5				
57	115618243	Đinh Gia	Minh	02/02/2000	Nữ	10.0	9,1	9,4				

Tổng số sv, hs trên danh sách: 57
Tổng số sv, hs dự đánh giá: 57
Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 57
Tổng số tờ: 57

Điểm QT: 30 %; Điểm KT: 70 %

Trà Vinh, Ngày 06 tháng 01 năm 2023

Cán bộ coi thi 1: Trần Thị Thanh Lệ

Cán bộ coi thi 2: Trịnh Liêu Nhung

Cán bộ ghi điểm: Phạm Nguyễn Tường Vân

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Lê Thanh Trúc

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH

HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ

ĐGMH_BM 1a

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
KHOA Y - DƯỢC

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Thực hành Dược bệnh viện (650736)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (03 -)/DA18DC

CBGD: ()

Hình thức đánh giá: Báo cáo

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc: 04/01/2023

Phòng thi: B.31.105

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đối tượng SV	Ghi chú
1	115618008	Nguyễn Hoàng Phúc	An	02/10/2000	Nam	7.0	9,3	8,6				
2	115618012	Đoàn Thị Yến	Anh	01/10/2000	Nữ	9.0	8,7	8,8				
3	115618019	Thạch Ngọc	Bình	12/07/1999	Nam	7.0	9,3	8,6				
4	115618041	La Mỹ	Duyên	07/06/2000	Nữ	10.0	9,3	9,5				
5	115618045	La Thùy	Dương	05/06/2000	Nữ	10.0	9,4	9,6				
6	115618047	Phạm Thị Trúc	Đào	20/05/2000	Nữ	9.0	8,8	8,9				
7	115618052	Võ Hoàng	Giang	09/01/2000	Nam	9.0	9,0	9,0				
8	115618054	Lê Quỳnh	Giao	03/01/2000	Nữ	9.5	8,8	9,0				
9	115618057	Phạm Hoàng Thái	Hải	25/01/2000	Nam	9.8	8,6	9,0				
10	115618058	Lưu Nguyên	Hạnh	18/09/2000	Nữ	9.0	9,0	9,0				
11	115618087	Nguyễn Thị Tú	Linh	19/06/1999	Nữ	9.0	8,7	8,8				
12	115618093	Từ Thị Thùy	Linh	09/07/2000	Nữ	9.0	8,8	8,9				
13	115618097	Ôn Hiền	Long	23/08/2000	Nam	8.0	9,3	8,9				
14	115618100	Lê Nguyễn Thu	Minh	25/10/2000	Nữ	9.5	8,8	9,0				
15	115618103	Thạch Thị Sa	Mương	15/02/2000	Nữ	7.0	9,0	8,4				
16	115618105	Nguyễn Thị Hoàng	My	25/10/2000	Nữ	10.0	9,4	9,6				
17	115618112	Nguyễn Lê Thảo	Ngọc	27/02/2000	Nữ	9.5	8,2	8,6				
18	115618115	Nguyễn Kim	Ngọc	03/09/2000	Nữ	10.0	9,1	9,4				
19	115618116	Phan Thị Yến	Ngọc	15/02/2000	Nữ	7.0	9,3	8,6				
20	115618122	Trần Văn	Nguyên	22/01/2000	Nam	7.0	9,3	8,6				
21	115618124	Nguyễn Thảo	Nguyên	10/09/2000	Nữ	9.0	8,7	8,8				
22	115618129	Đinh Thị Huỳnh	Nhi	28/06/2000	Nữ	7.0	9,3	8,6				
23	115618134	Hồ Hoàng	Nhung	21/12/2000	Nữ	9.0	8,7	8,8				
24	115618136	Lê Huỳnh Thanh	Như	22/04/2000	Nữ	9.0	9,0	9,0				
25	115618137	Nguyễn Kế Uôn Thị Quỳnh	Như	03/12/2000	Nữ	10.0	9,0	9,3				
26	115618165	Nguyễn Thanh	Tính	15/11/1998	Nam	7.0	9,0	8,4				
27	115618167	Võ	Tòng	04/10/2000	Nam	10.0	9,3	9,5				
28	115618171	Nguyễn Công	Tuấn	16/10/2000	Nam	9.7	8,0	8,5				
29	115618172	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	26/12/2000	Nữ	9.5	8,8	9,0				
30	115618176	Dương Thị Hồng	Tươi	24/09/2000	Nữ	9.5	8,0	8,5				
31	115618178	Mai Quốc	Thái	25/01/2000	Nam	10.0	9,1	9,4				
32	115618179	Đỗ Kim	Thanh	27/02/2000	Nữ	9.5	8,6	8,9				
33	115618185	Võ Thị Hồng	Thắm	01/01/2000	Nữ	9.5	8,6	8,9				
34	115618188	Lê Quốc	Thịnh	28/07/2000	Nam	10.0	9,0	9,3				
35	115618192	Phan Thị Kiều	Thu	25/03/1999	Nữ	9.0	9,0	9,0				
36	115618196	Lâm Thị Diễm	Thúy	06/06/2000	Nữ	9.5	8,6	8,9				
37	115618205	Tác Thị Thảo	Trang	19/07/2000	Nữ	10.0	9,5	9,7				
38	115618209	Võ Thị Quỳnh	Trâm	28/06/1999	Nữ	7.0	9,0	8,4				
39	115618214	Hồ Lê Trinh	Trinh	03/05/2000	Nữ	7.0	8,8	8,3				

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ

ĐGMH_BM 1a

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
KHOA Y - DƯỢC

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Thực hành Dược bệnh viện (650736)
Số tín chỉ 2
Nhóm/Lớp: (03 -)/DA18DC
CBGD: ()

Hình thức đánh giá: báo cáo
Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc 04/01/2023
Phòng thi: B.31.105

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đối tượng SV	Ghi chú
40	115618216	Huỳnh Kim	Trọng	30/11/2000	Nam	8.0	9,3	8,9				
41	115618220	Hồ Thủy	Trúc	26/09/2000	Nữ	9.0	8,7	8,8				
42	115618230	Lăng Hồ Tường	Vi	09/11/2000	Nữ	10.0	9,1	9,4				

Tổng số sv, hs trên danh sách: 42
Tổng số sv, hs dự đánh giá: 42
Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 42
Tổng số tờ: 42

Điểm QT: 30 %; Điểm KT: 70 %

Trà Vinh, Ngày 06 tháng 01 năm 2023

Cán bộ coi thi 1: Trịnh Thị Thanh Lệ

Cán bộ coi thi 2: Thạch Thị Bô Pha

Cán bộ ghi điểm: Phạm Nguyễn Thường Vân

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Lê Thanh Trúc